

KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC HỆ THỐNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2025 THEO PHƯƠNG THỨC THI TUYỂN
Vị trí: Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin
(Kèm theo Thông báo số 71/TB-HĐTD ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi vòng 1		Kết quả thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Đơn vị trúng tuyển
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm tra kiến thức, năng lực chung	Ngoại ngữ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Đào Xuân	Tùng	2545	Nam	25	3	2002	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Đồng Nai				43/60	21/30	95.5		95.5	THADS tỉnh Khánh Hòa
2	Hồ Thanh	Công	2540	Nam	27	5	1987	THADS tỉnh Đồng Tháp						34/60	28/30	95.5		95.5	THADS tỉnh Đồng Tháp
3	Dương Mộng	Khánh	2547	Nam	19	2	2001	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang				46/60	23/30	95		95	THADS TP. Cần Thơ
4	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2532	Nữ	19	3	2002	THADS tỉnh An Giang						42/60	20/30	94.5		94.5	THADS tỉnh An Giang
5	Ma Việt	Tùng	3837	Nam	12	5	1999	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Bắc Ninh				39/60	24/30	89	5	94	Cục Quản lý THADS
6	Vũ Văn	Điệp	3819	Nam	13	5	1995	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Bắc Ninh				51/60	26/30	93		93	Cục Quản lý THADS
7	Lê Các	Duy	2552	Nam	22	6	1997	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	23/30	92.5		92.5	THADS TP. Hồ Chí Minh
8	Mai Minh	Hằng	3823	Nữ	16	02	2000	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Bắc Ninh				45/60	22/30	91		91	Cục Quản lý THADS
9	Trần Mỹ	Nhung	3835	Nữ	30	8	1996	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội					39/60	22/30	86.5		86.5	Cục Quản lý THADS

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi vòng 1		Kết quả thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Đơn vị trúng tuyển
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm tra kiến thức, năng lực chung	Ngoại ngữ				
10	Nguyễn Mai Khánh	Vy	2537	Nữ	24	11	2003	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội				43/60	24/30	86		86	THADS TP. Hà Nội
11	Trần Thùy	Dung	3820	Nữ	30	7	1995	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Bắc Ninh				31/60	22/30	84.5		84.5	THADS TP. Hà Nội
12	Hà Hoài	Nam	3832	Nam	22	3	2002	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Bắc Ninh				44/60	17/30	81.5		81.5	THADS tỉnh Bắc Ninh
13	Nguyễn Đức	Ninh	3839	Nam	3	7	2002	THADS tỉnh Bắc Ninh	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	Có 11 nguyện vọng	38/60	23/30	66		66	THADS TP. Đà Nẵng
14	Lê Quang	Danh	3840	Nam	10	3	1994	THADS tỉnh Nghệ An	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội				38/60	17/30	65		65	THADS tỉnh Nghệ An